

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/DS-ST  
Ngày: 18/9/2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trương Thị Sen.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lý Xuân Phong;
- Bà Đỗ Thị Linh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 14/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: bà **Lê Thị Minh T**; chức vụ: Chủ tịch **hội Nông dân tỉnh Q** kiêm Trưởng ban điều hành Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam.

Cùng địa chỉ: **số A, đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.**

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Hữu N**; chức vụ: Chủ tịch **hội Nông dân huyện Q** kiêm Trưởng ban điều hành Quỹ hỗ trợ Nông dân **huyện Q**. Địa chỉ: **số B, đường H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.**

- Bị đơn: ông **Phan Văn H**, sinh năm 1969; địa chỉ: **thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

*Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần 2, không có lý do.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Hộ ông Phan Văn H có vay của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Nam số tiền 80.000.0000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 26/2020-HĐVV ký ngày 11/5/2020, mục đích sử dụng: đầu tư trồng rau sạch; thời hạn vay: 24 tháng; ngày đến hạn 11/5/2022; phí vay: 0,7%/tháng. Hộ ông H đã trả được số tiền gốc là 14.000.000 đồng. Hộ ông H không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết trong Hợp đồng, mặc dù Quỹ đã nhiều lần gửi thông báo, công văn yêu cầu trả nợ. Tính đến ngày 18/9/2024, hộ ông H còn nợ Quỹ số tiền 84.072.927 đồng, trong đó nợ gốc 66.000.000 đồng, nợ lãi 18.072.927 đồng. Nay Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Phan Văn H trả số tiền 84.072.927 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi hộ ông H trả hết nợ gốc.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án – bị đơn, ông Phan Văn H trình bày:*

Vào năm 2020, ông có vay của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Nam số tiền 80.000.000 đồng, mục đích: đầu tư trồng rau sạch, thời hạn cho vay 24 tháng, phí vay 0,7%/tháng. Ông đã trả được số tiền gốc là 14.000.000 đồng. Đến nay ông còn nợ Q số tiền gốc là 66.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tính đến ngày 29/7/2024 là 17.071.927 đồng. Do điều kiện gia đình khó khăn, dịch bệnh thường xuyên, làm ăn không có lãi. Nay ông mong Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Nam cho ông trả nợ từ từ, trả gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng và xem xét miễn toàn bộ số lãi cho ông. Số tiền vay này ông sử dụng đầu tư vào Hợp tác xã N1 và sử dụng đầu tư riêng của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông - bà Nguyễn Thị C. Nên cá nhân ông đồng ý trả số nợ cho Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị C nhưng bà C đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ

của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: ông **Phan Văn H** cư trú tại **thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam**. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông **H** trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng vay: Hợp đồng vay vốn số 26/2020-HĐVV ngày 11/5/2020 được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng vay vốn số 26/2020-HĐVV ngày 11/5/2020, ông **Phan Văn H** vay Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam số tiền 80.000.000 đồng, mục đích sử dụng: đầu tư trồng rau sạch; thời hạn vay: 24 tháng; ngày đến hạn 11/5/2022; phí vay: 0,7%/tháng. Ông **H** đã trả được số tiền gốc là 14.000.000 đồng và sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng, mặc dù Quỹ đã nhiều lần gửi thông báo, công văn yêu cầu trả nợ nhưng ông **H** vẫn không có thiện chí trả nợ cho **Q**. Vì vậy, Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Phan Văn H** trả tổng số tiền: 84.072.927 đồng, trong đó nợ gốc 66.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/9/2024 là 18.072.927 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh lý xong hợp đồng là có căn cứ.

Hợp đồng vay chỉ mình ông **H** ký vay vốn với Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam, ông **H** khẳng định số tiền vay này ông sử dụng đầu tư vào **Hợp tác xã N1** và sử dụng đầu tư riêng của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông -

bà Nguyễn Thị C. Do đó, không có căn cứ yêu cầu bà C liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho Q hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam tổng số tiền 84.072.927 đồng, trong đó nợ gốc 66.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/9/2024 là 18.072.927 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh lý xong hợp đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ hỗ trợ Nông dân tỉnh Q về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả cho Q hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam tổng số tiền 84.072.927 (*tám mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bảy*) đồng, trong đó nợ gốc 66.000.000 (*sáu mươi sáu triệu*) đồng, nợ lãi tính đến ngày 18/9/2024 là 18.072.927 (*mười tám triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bảy*) đồng.

Kể từ ngày 19/9/2024, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh lý xong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 4.203.000 (*bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn*) đồng ông Phan Văn H phải chịu. Ông H được giảm 2.100.000 (*hai triệu một trăm nghìn*) đồng theo đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn ngày 15/7/2024. Ông H phải chịu 2.103.000 (*hai triệu một trăm lẻ một nghìn*) đồng.

Trả lại cho Q hỗ trợ Nông dân tỉnh Quảng Nam 2.020.000 (*hai triệu không trăm hai mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010438 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Sen**